

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày 07-3-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hồng Sơn.

2. Ông Nguyễn Bá Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 và Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 09/QĐ-TA ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Việt D, sinh năm: 1989 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 6, phường L, thị xã L, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Chị Trần Huyền T, sinh năm: 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà D76, tổ 3, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Việt D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, anh Nguyễn Việt D và chị Trần Huyền T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Giấy chứng nhận kết hôn số 237/2014 ngày 17-12-2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung, nhưng đến năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cách nuôi dạy con cái, sinh hoạt hàng ngày... vợ chồng không đồng cảm với nhau nhưng không giải quyết được dẫn đến ảnh hưởng cuộc sống của hai bên và đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng đã tìm cách hàn gắn tình cảm cũng như được gia đình hai bên hòa giải nhưng không giải quyết được. Anh D cho rằng vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau như trước, không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung và cấp dưỡng: Có 01 con chung, anh D yêu cầu giao cháu Nguyễn Ngọc Thùy A, sinh ngày 17-11-2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh D không phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn chị Trần Huyền T trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị T thống nhất với lời trình bày của anh D về việc chung sống, kết hôn và con chung là đúng. Sau khi, kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cụ thể như sau: Năm 2017, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí là đánh nhau vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không cùng quan điểm về cách nuôi dạy con, cách sinh hoạt. Vì các lý do này mà quan hệ vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, tình cảm vợ chồng ngày càng xấu đi. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau để trao đổi, hòa giải và tìm ra cách giải quyết mâu thuẫn, cũng như gia đình hai bên cũng can thiệp, giảng giải cho hai vợ chồng đi đến hòa thuận nhưng sự việc vẫn không được giải quyết. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, thời gian đầu có gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn tình trạng hôn nhân nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã đến tình trạng xấu đi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể cứu vãn được, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D.

- Về con chung và cấp dưỡng: Cháu Nguyễn Ngọc Thùy A có nguyện vọng được ở với mẹ nên chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vợ chồng có trao đổi với nhau, do điều kiện đi lại khó khăn và không xin nghỉ việc được nên anh D đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật. Do anh D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt vì vậy chị T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh D theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không ai cung thêm cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D về việc xin ly hôn với chị T. Giao cháu Nguyễn Ngọc Thùy A cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh D không phải cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn được xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định

tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa anh D vắng mặt và có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình tổ tụng anh D và chị T thừa nhận sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau một người con chung. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách khác nhau... Mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã tìm cách hàn gắn, nhưng không giải quyết được nên anh D yêu cầu ly hôn và chị T cũng đồng ý. Xét thấy, hai bên thừa nhận tình trạng mâu thuẫn là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh D yêu cầu xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện anh D yêu cầu giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T cũng đồng ý và theo nguyện vọng của con là được ở với mẹ nên giao cháu Nguyễn Ngọc Thùy A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh D là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Việt D về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với chị Trần Huyền T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Việt D được ly hôn với chị Trần Huyền T.

- Về con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Nguyễn Ngọc Thùy A, sinh ngày 17-11-2014 cho chị Trần Huyền T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và anh Nguyễn Việt D không phải cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Việt D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009342 ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền
(số 237/2014 ngày 17-12-2014);
- Lưu hồ sơ vụ án....

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Đức